

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-01-2021

*V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con giữa bà Nguyễn Thị Thu
Th với ông Nguyễn Quang A”.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngãi và ông Nguyễn Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1993; nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Tài Lương, xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thu Th với ông Nguyễn Quang A yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị vào ngày 07/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ của bà Th tại Khóm 2, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị một thời gian sau đó vào tỉnh Đồng Nai làm ăn; tuy nhiên công việc không thuận lợi nên vợ chồng về lại sinh sống tại Khóm 2, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau, thậm chí là đánh đập nhau. Mặt khác, ông A vô tâm không có trách nhiệm với vợ con; mâu thuẫn cứ lặp đi lặp lại và ngày càng trầm trọng. Do không chịu nổi cuộc sống chung nên năm 2015 hai vợ chồng sống ly thân, bà Th sống chung với bố mẹ của bà Th tại Khóm 2, thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị, còn ông A về sống chung với bố mẹ đẻ của ông A tại Thôn Tài

Lương, xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và từ đó đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Bà Th cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không ai quan tâm đến ai nữa nên bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Th được ly hôn với ông An càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 27/5/2013, hiện tại đang sinh sống với bà Th. Nếu ly hôn, bà Th xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang A: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa cho ông Nguyễn Quang A nhưng ông A vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Xử cho bà Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với ông Nguyễn Quang A. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 27/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; bà Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu ông Nguyễn Quang A cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung; nợ chung: Không có. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bà Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/11/2020, Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án và đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho ông Nguyễn Quang A thông qua ông Nguyễn Quang Th là bố đẻ của ông A và đang sinh sống với ông A và ông Th cam đoan sẽ giao tận tay cho ông A. Tuy nhiên, hết thời hạn quy định nhưng ông A không có bản trình bày ý kiến. Tòa án đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 11/12/2020 và ngày 24/12/2020 nhưng ông A vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã lập biên bản không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được với sự chứng kiến của bà Th. Ngày 25/12/2020 Tòa án tiến hành xác minh tại nhà ông Nguyễn Quang A thì ông Nguyễn Quang Th là bố đẻ của ông A cho biết ông Th đã giao các văn bản tố tụng

nếu thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông A và ông A đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vì lý do công việc nên không tham gia khi Tòa án triệu tập và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 30/12/2020, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 15/01/2021; tuy nhiên, tại phiên tòa ông A vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 22/01/2021. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Quang A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ Hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu Th với ông Nguyễn Quang A là hôn nhân hợp pháp, yêu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị vào ngày 07/3/2013. Theo bà Th trình bày, sau khi kết hôn hai vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn và đến năm 2015 thì mâu thuẫn càng trầm trọng; nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình bố mẹ ông A và Hội phụ nữ nơi vợ chồng bà Th, ông A sinh sống chung thì được biết: Vợ chồng bà Th, ông A sau khi kết hôn chỉ sống hạnh phúc một thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình hai bên không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và hiện nay bà Th sống nuôi con một mình tại thị trấn Krông Klang, huyện Đakrông, tỉnh Quảng Trị còn ông A sinh sống tại xã Triệu Tài, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị và hai vợ chồng sống ly thân đã lâu. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của hai vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, hai vợ chồng sống ly thân đã lâu nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Th, xử cho bà Th được ly hôn với ông A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu Th, ông Nguyễn Quang A có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 27/5/2013, hiện đang sinh sống với bà Th. Nếu ly hôn, bà Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao cháu H cho ai nuôi dưỡng là xem xét đến điều kiện của bố, mẹ và khả năng phát triển cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Thấy rằng hiện tại bà Th có công việc ổn định, cháu H hiện đang sinh sống với bà Th nên cần sự chăm sóc của người mẹ do đó bà Th yêu cầu được nuôi cháu H là hợp lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu H mong muốn ở với mẹ để thuận lợi trong việc học tập, do đó cần giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H cho bà Nguyễn Thị Thu Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Th không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên không buộc ông A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về mặt tình cảm: Xử cho bà Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn với ông Nguyễn Quang A.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 27/5/2013 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu ông Nguyễn Quang A cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004675 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Krông Klang, h. ĐaKrông;
- Lưu: Hồ sơ, Văn thư .

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

